TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày 17-01-2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Thúy – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/9/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Kim Bảng (nay là phường Q, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận ở tổ 6, thị trấn Q, huyện Kim Bảng (nay là

phường Q, thị xã Kim Bảng) đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2024, anh T đã thường xuyên đi làm xa nhà không chung sống với chị. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc T.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Ngọc T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân giữa anh với chị Trương Thị H đúng như chị H đã trình bày. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Do công việc anh rất bận, không thể có mặt tại Toà án được, anh đề nghị Toà án cho anh được vắng mặt tại phiên toà.

Về con chung: Chị Hvà anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Quốc Bình, sinh ngày 07/9/2005, cháu đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết; cháu Lê Khánh Vy, sinh ngày 26/12/2007, cháu Vy đang ở với chị H . Khi ly hôn, chị Hvà anh T đều xin được nuôi dưỡng cháu Vy và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh T thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị Hải, anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị H: Xử ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Lê Ngọc T. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh V, sinh ngày 26/12/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Chị Trương Thị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị H xin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm của anh T). Được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí chị Hđã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000193 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hoàn lại cho chị H số tiền 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Ngọc T là bị đơn; địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Bị đơn là anh Lê Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị H và anh Lê Ngọc T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau 02/02/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Kim Bảng (nay là phường Q, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận ở tổ 6, phường Q, thị xã Kim Bảng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2024, anh Tđã thường xuyên đi làm xa nhà không chung sống với chị Hải, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống và tình cảm của nhau nữa. Nay cả chị H và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H ly hôn anh T nhất trí. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung tên cháu Lê Quốc B, sinh ngày 07/9/2005, cháu B đã trên 18 tuổi, lao động tự lập được nên anh chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Đối với cháu Lê Khánh V, sinh ngày 26/12/2007, cháu đang ở với chị H. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên, đồng thời cần đảm bảo ổn định việc ăn ở, học hành của con. Xét thấy từ khi anh chị ly thân nhau đến nay cháu V đều ở với chị H và được chị Hchăm sóc, nuôi dưỡng ăn học đầy đủ, bản thân cháu V có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ, vì vậy cần giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu V, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H là hoàn toàn là phù

hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng : Không có.

[3] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh T cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị H và anh T đều nhất trí ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tại phiên toà, chị H xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (chị xin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm của anh T) đươc Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh V, sinh ngày 26/12/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Hải. Đối với cháu Lê Quốc B, sinh ngày 07/9/2005 đã trên 18 tuổi, lao động tự lập được nên chị H, anh T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trương Thị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị Hxin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm của anh T). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000193 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Nguyệt